

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **46/2025/HNGĐ-ST**

Ngày **19-9-2025**

Về việc “*Tranh chấp ly hôn, con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Thành Thái**

2. Ông **Hà Ứng Cường**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông **Lê Hoàng Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2025/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp ly hôn, con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Bích V** - sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Nay là: ấp T, xã T, tỉnh An Giang. Chỗ ở: ấp T, xã T, tỉnh An Giang

2. Bị đơn: Anh **Phan Văn N** - sinh năm 1984 (vắng mặt lần 2 không lý do)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Nay là: ấp T, xã T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích V trình bày:**

Chị Nguyễn Thị Bích V và anh Phan Văn N tự tìm hiểu quen biết khoảng 05 tháng sau đó đi đến tổ chức cưới vào năm 2006, có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang (nay là UBND xã T, tỉnh An Giang) ngày 18/6/2007.

Lý do xin ly hôn: Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn Chị V cho rằng do anh N đi làm, nhưng thường hay ăn nhậu với bạn bè ngày nào cũng nhậu, anh N về nhà kiểm chuyện chửi Chị V và gia đình chị V, lúc con còn nhỏ thì anh N thường đánh chị V, anh N có mối quan hệ với người phụ nữ khác và có con gái riêng được 6 tuổi, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường hay cự cãi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt. Nay Chị V xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chung sống với nhau không hạnh phúc.

- Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung: Phan Văn Anh K , sinh ngày 23/02/2007 và Phan Văn Khánh D , sinh ngày 09/6/2012. Cháu K đã trưởng thành, cháu D đang sống với chị V.

Tại phiên tòa chị V yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị V yêu cầu được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Cháu Phan Văn Anh K , sinh ngày 23/02/2007 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị V yêu cầu được nuôi cháu Phan Văn Khánh D , sinh ngày 09/6/2012, Chị V không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị V và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Chị V xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

* Tòa án có triệu tập anh Phan Văn N để hòa giải hôn nhân và gia đình, nhưng anh Phan Văn N vắng mặt, nên Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng hợp lệ.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích V được ly hôn với anh Phan Văn N.

- Về quan hệ con chung: Cháu Phan Văn Anh K , sinh ngày 23/02/2007 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đề nghị giao cháu Phan Văn Khánh D , sinh ngày 09/6/2012 cho chị Nguyễn Thị Bích V trực tiếp trông nom, chăm sóc,

giáo dục, nuôi dưỡng, là phù hợp với quy định pháp luật.

- *Về tài sản chung*: Chị V và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

- *Về nợ chung*: Chị V xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng anh N vắng mặt. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt anh Phan Văn N.

Xét thấy, anh N chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị V tại Tòa án. Tuy nhiên, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ và hợp lệ các thủ tục theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh N vẫn không đến Tòa án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh N chung sống với nhau được UBND xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang (nay là UBND xã T, tỉnh An Giang) cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 101, ngày 18/6/2007, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị V là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, vợ chồng anh chị chung sống với nhau đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị V cho rằng do anh N đi làm nhưng thường hay ăn nhậu với bạn bè ngày nào cũng nhậu, anh N về nhà kiểm chuyện chửi chị V và gia đình chị V, lúc con còn nhỏ thì anh N thường đánh chị V, anh N có mối quan hệ với người phụ nữ khác và có con gái riêng được 6 tuổi, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường hay cự cãi, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt.

Tại phiên tòa, chị V thể hiện rõ quan điểm muốn ly hôn, không muốn đoàn tụ. Mặt khác, chị V và anh N hai bên đã ly thân với nhau cuối năm 2021 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, trong phần nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V được ly hôn với anh N.

[3] Về quan hệ con chung: Chị V và anh N chung sống có 02 người con tên Phan Văn Anh K , sinh ngày 23/02/2007 (đã trưởng thành) và Phan Văn Khánh D ,

sinh ngày 09/6/2012.

Xét thấy, cháu Khánh D hiện đang sống với chị V, được chị V nuôi dưỡng, đảm bảo sự phát triển về mọi mặt, và nguyện vọng của Khánh D là muốn ở với chị V. Hội đồng xét xử thống nhất giao cho chị V tiếp tục nuôi con là phù hợp, Chị V có khả năng nuôi con nên không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về tài sản, nữ trang chung: Chị V và anh N tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về nợ chung: Chị V xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Trường hợp anh N cho rằng có tài sản chung và có tranh chấp, sẽ khởi kiện thành một vụ kiện khác và sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị V phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích V được ly hôn với anh Phan Văn N.

2. Về quan hệ con chung: Cháu Phan Văn Anh K , sinh ngày 23/02/2007 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giao cho chị Nguyễn Thị Bích V tiếp tục nuôi người con tên Phan Văn Khánh D , sinh ngày 09/6/2012. Chị Nguyễn Thị Bích V không yêu cầu anh Phan Văn N cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Bích V cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Phan Văn N tới lui, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

3. Về tài sản, nữ trang chung: Chị V và anh N tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị V xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Bích V phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 85 ngày 20/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh An Giang).

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Phan Văn N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 3;
- THADS tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chiến